

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~3188~~/QĐ-TVD

Uông Bí, ngày ~~19~~ tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH-VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;

Căn cứ Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ ban hành kèm theo Quyết định số 1472/QĐ-TKV ngày 14/8/2024 của Tổng Giám đốc Tập đoàn;

Căn cứ Quy chế quản lý lao động và tiền tiền lương trong Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-TVD ngày 01/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế quản lý an toàn vệ sinh lao động ban hành kèm theo Quyết định số 382/QĐ-TVD ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Sau khi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn Công ty Cổ phần Than Vàng Danh;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng TCLĐ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh -Vinacomin.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 và thay thế các Quyết định số 01/QĐ-TVD ngày 03/01/2022.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng TCLĐ, KT, KB và các Thủ trưởng đơn vị trong toàn Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐQT C.ty (B/c);
- Các PGĐ, KTTT C.ty;
- CĐ, ĐTN Công ty;
- Các đơn vị trong Công ty;
- Lưu: VT, TCLĐ, T₍₅₎.



Nguyễn Văn Dũng

QUY ĐỊNH

Trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ

(Kèm theo Quyết định số: 3188/QĐ-TVD ngày 19/12/2024)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

1. Việc quy định phương pháp trả lương, khuyến khích, khen thưởng và các biện pháp kinh tế để gắn trách nhiệm của người lao động với công tác an toàn, vệ sinh lao động (sau đây viết tắt là AT-VSLĐ) nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chính người lao động, đồng thời giảm thiểu thiệt hại kinh tế cho doanh nghiệp do tai nạn lao động, sự cố gây ra. Theo đó cần thiết phải có các hình thức động viên, khen thưởng người lao động làm tốt công tác AT-VSLĐ, bên cạnh đó cần có quy định khuyến khích người làm tốt, xử lý khi người lao động mắc lỗi AT-VSLĐ nhằm mục tiêu gắn chặt quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân người lao động trong việc giảm thiểu sự cố, tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động chết người trong quá trình sản xuất với quan điểm ngăn ngừa là chính và mọi nguy cơ mất an toàn lao động đều có thể được ngăn ngừa; trách nhiệm ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn lao động là của mọi người lao động, trong đó trách nhiệm của người đứng đầu mang tính quyết định.

2. Ngoài ra, cần sử dụng các giải pháp kinh tế khác để khuyến khích, động viên mọi người nâng cao ý thức và trách nhiệm, đề cao vai trò cá nhân, vai trò người đứng đầu trong công tác đảm bảo AT-VSLĐ, giúp người khác làm việc an toàn hơn. Theo đó ngoài tiền lương, khuyến khích và tiền thưởng an toàn, người lao động khi có đóng góp hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chung của đơn vị vẫn được hưởng các khoản tiền lương khuyến khích theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc theo Quy chế trả lương của Công ty, Quy định giao mục tiêu và thưởng, khuyến khích lương đối với tập thể, cá nhân khi hoàn thành mục tiêu thi đua, nhiệm vụ trong lao động sản xuất.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích thực hiện an toàn và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty (sau đây viết tắt là NLD) với công tác AT-VSLĐ được áp dụng tại tất cả các phân xưởng sản xuất, phòng ban trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.

2. Đối tượng áp dụng tháng

a) Lao động quản lý trực tiếp tại các phòng ban, công trường/phân xưởng trong Công ty gồm: Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Giám trưởng, Ca trưởng và chức danh tương đương; Trưởng phòng, Phó phòng và chức danh tương đương; nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc các phòng ban trong công ty;

b) Công nhân viên lao động làm việc tại phân xưởng trong Công ty quy

U

định tại Khoản 1 Điều này;

c) Công nhân của Trung tâm Cấp cứu mở làm việc tại các phân xưởng theo Hợp đồng với Công ty và Học sinh thực tập sản xuất.

3. Đối tượng áp dụng quý và không áp dụng quý

3.1. Đối tượng áp dụng khuyến khích lương an toàn quý

a) Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Giám trưởng, Ca trưởng và chức danh tương đương;

b) Trưởng phòng, Phó phòng và chức danh tương đương; nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc các phòng ban trong công ty;

c) Công nhân viên lao động làm việc tại phân xưởng trong Công ty quy định tại Khoản 1 Điều này;

3.2. Đối tượng không áp dụng khuyến khích lương an toàn quý

a) Người quản lý Công ty - Cán bộ quản lý hưởng lương khoán theo quy định của Chính phủ (gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh tương đương, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát Công ty);

b) Cán bộ, công nhân viên lao động nghỉ chế độ hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước và trong kỳ xét (*không có tên tại thời điểm lập danh sách*);

c) Công nhân của Trung tâm Cấp cứu mở làm việc tại các phân xưởng theo Hợp đồng với Công ty và Học sinh thực tập sản xuất.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP TRẢ LƯƠNG, THƯỞNG, KHUYẾN KHÍCH CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 3. Nguyên tắc trả lương AT-VSLĐ (gọi tắt là trả lương an toàn)

1. Để gắn trách nhiệm của NLĐ đối với công tác AT-VSLĐ, tiền lương giao khoán của NLĐ được kết cấu thành 2 phần, lương theo sản phẩm công việc và lương thực hiện công tác AT-VSLĐ

a) Tiền lương theo sản phẩm, công việc: Được trả theo mức độ hoàn thành định mức lao động, sản phẩm giao nộp và yêu cầu công việc phân công.

b) Tiền lương thực hiện công tác AT-VSLĐ: Được trả khi cá nhân người lao động thực hiện đảm bảo công tác AT-VSLĐ.

c) Tổng tiền lương thực hiện hàng tháng của cá nhân người lao động được thanh toán theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao, sản phẩm giao nộp và mức độ thực hiện AT-VSLĐ.

2. Việc trả lương an toàn phải căn cứ cụ thể vào các lỗi mà NLĐ không làm hoặc có làm nhưng không đầy đủ, hoặc làm sai (sau đây gọi chung là hành vi mắc lỗi) trong việc thực hiện công tác AT-VSLĐ theo từng nhóm chức danh, ngành nghề, công việc làm.

3. Lao động quản lý trực tiếp và người lao động trong tháng nếu thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ ngoài việc được thanh toán đủ tiền lương sản phẩm, công việc thì cũng được thanh toán đủ tiền lương an toàn; nếu không thực hiện tốt một phần công việc AT-VSLĐ nào đó thì sẽ không được thanh toán đủ tiền lương an toàn tháng.

4. Đối với công việc giao khoán tập thể, đơn giá tiền lương sản phẩm giao khoán không tách riêng thành đơn giá tiền lương theo chất lượng, số lượng sản phẩm và đơn giá tiền lương an toàn mà vẫn áp dụng đơn giá tiền lương tổng hợp (trong đơn giá đó có tiền lương an toàn).

4

Điều 4. Phân nhóm chức danh nghề, công việc theo mức độ ảnh hưởng của AT-VSLĐ

1. Phân nhóm chức danh nghề, công việc phụ thuộc vào tính chất, điều kiện làm việc của từng chức danh nghề, công việc. Theo đó những nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về công tác an toàn thì chịu tác động, ảnh hưởng bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ cao; những nghề, vị trí công việc có tính chất giản đơn, phổ thông, điều kiện làm việc không yêu cầu nghiêm ngặt về công tác an toàn thì chịu tác động, ảnh hưởng bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ thấp hơn, được phân thành các nhóm sau:

- a) Nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ cao;
- b) Nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ trung bình;
- c) Nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ thấp.

2. Danh mục các nhóm lao động phân theo yếu tố tác động bởi công tác AT-VSLĐ được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 5. Quy định tiền lương an toàn kết cấu trong mức tiền lương các chức danh, ngành nghề

Trên cơ sở phân loại lao động theo mức độ ảnh hưởng của công tác AT-VSLĐ tại Điều 4, tiền lương an toàn được kết cấu trong tiền lương giao khoán theo vị trí việc làm, công đoạn sản xuất của các chức danh, ngành nghề, vị trí công việc. Mức kết cấu lương an toàn của tất cả các chức danh, ngành nghề, vị trí việc làm trong toàn Công ty là 20%.

Điều 6. Quy định thanh toán tiền lương an toàn hàng tháng

1. NLĐ trong tháng không có hành vi mắc lỗi về AT-VSLĐ thì được thanh toán 100% tiền lương an toàn.

2. NLĐ trong tháng có hành vi mắc lỗi về AT-VSLĐ theo cấp độ mắc lỗi từ mức 1 đến mức 3 (tương ứng với mức độ mắc lỗi từ thấp đến cao) dưới đây thì chỉ được thanh toán tiền lương an toàn tháng như sau:

- Mắc lỗi mức 1: Được thanh toán 70% tiền/điểm lương an toàn;
- Mắc lỗi mức 2: Được thanh toán 50% tiền/điểm lương an toàn;
- Mắc lỗi mức 3: Không thanh toán tiền/điểm lương an toàn;
- Trong tháng nếu NLĐ mắc nhiều lỗi về AT-VSLĐ: thì % tính mắc lỗi được cộng dồn theo các mức lỗi vi phạm, mức không thanh toán tối đa 100% tiền/điểm lương an toàn tháng.

3. Các hành vi vi phạm công tác AT-VSLĐ thuộc nhóm lỗi mức 1 đến mức 3 quy định cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo quy định này để làm cơ sở thanh toán tiền lương an toàn cho từng cá nhân.

4. Toàn bộ phần tiền lương AT-VSLĐ không được thanh toán của cá nhân trong tháng do mắc lỗi sẽ điều chỉnh giảm thông qua bảng thanh toán lương sản phẩm của phân xưởng/phòng đó. Phân xưởng hoặc các phòng ban bị điều chỉnh giảm quỹ lương tháng thì Thủ trưởng căn cứ vào số tiền Công ty không thanh toán và cá nhân liên quan để thực hiện nghiệp vụ giảm tiền lương an toàn của các cá nhân mắc lỗi AT-VSLĐ; đối với đơn vị trả bằng tiền thì điều chỉnh bằng số tiền Công ty không thanh toán, đối với đơn vị trả bằng điểm thì số tiền giảm = Tổng điểm an toàn tháng thực hiện x % Giảm theo lỗi vi phạm x Giá trị điểm của tháng liền kề tháng vi phạm.

5. Toàn bộ phần tiền lương an toàn không được thanh toán của cá nhân mắc



lỗi phải được thông báo cho người lao động vào ca sau, tính từ thời điểm người lao động mắc lỗi đến lúc thông báo không quá 24 giờ.

Điều 7. Khuyến khích tiền lương an toàn quý

1. Trong quý nếu NLD quy định tại Khoản 3.1 Điều 2 quy định này không mắc các lỗi nghiêm trọng về AT-VSLĐ, các tháng đều được thanh toán từ 70% đến 100% tiền lương an toàn thì được xét khuyến khích lương an toàn quý, mức hưởng khuyến khích của cá nhân được tính bằng tổng tiền lương an toàn các tháng trong quý chia 3 nhân với hệ số tương ứng với từng đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này. Trong quý nếu NLD mắc lỗi nghiêm trọng về AT-VSLĐ hoặc có tháng được thanh toán dưới 70% tiền lương an toàn thì không được khuyến khích lương an toàn quý.

2. Mức khuyến khích lương an toàn quý

2.1. Đối với thợ mỏ, chỉ huy mỏ (theo Quyết định của Giám đốc công ty, trong quý có từ 35 công trở lên thợ mỏ, chỉ huy mỏ hoặc cộng dồn các ngày công thợ mỏ, chỉ huy mỏ ≥ 35 công/quý được ghi rõ trong báo cáo kết quả công việc), Tổ trưởng sản xuất, Giám trưởng, Ca trưởng: Nếu trong quý không mắc các lỗi về an toàn hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương thì được khuyến khích 01 tháng lương an toàn bình quân trong quý;

2.2. Đối với công nhân cơ điện làm công việc lái tàu, vận hành tời trục tải các phân xưởng khai thác, đào lò, vận tải (trong quý có từ 35 công trở lên làm công việc lái tàu, vận hành tời trục tải và được ghi rõ trong báo cáo kết quả công việc); công nhân khai thác còn lại thuộc phân xưởng khai thác, đào lò: Nếu trong quý không mắc các lỗi về an toàn hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương thì được khuyến khích 0,8 tháng lương an toàn trong quý;

2.3. Đối với công nhân cơ điện còn lại thuộc PX khai thác, đào lò; Quản đốc, Phó quản đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, Nhân viên (tác nghiệp hầm lò) các phòng AT, KCM, CV: Nếu trong quý không mắc các lỗi về an toàn hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương thì được khuyến khích 0,6 tháng lương an toàn trong quý;

2.4. Các đối tượng còn lại: Nếu trong quý không mắc các lỗi về an toàn hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương thì được khuyến khích 0,5 tháng lương an toàn trong quý;

2.5. Các đối tượng nêu tại mục 2.1 -:- 2.4 Khoản này, trong quý có tháng mắc lỗi không nghiêm trọng về AT-VSLĐ (giảm 30% lương an toàn) thì chỉ được khuyến khích bằng 50% mức khuyến khích đã nêu tại mục 2.1 -:- 2.4.

3. NLD chuyển đổi công việc khác thì mức khuyến khích lương an toàn quý của NLD đó được tính theo chức danh công việc NLD tại thời điểm kết thúc quý.

4. Nguồn chi khuyến khích lương an toàn quý nằm trong tổng quỹ tiền lương của Công ty. Số tiền khuyến khích/thưởng được làm tròn đến hàng chục nghìn đồng.

Điều 8. Khen thưởng công tác AT-VSLĐ

1. Khen thưởng thực hiện chỉ đạo, điều hành công tác AT-VSLĐ quý

1.1. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ quản lý phân xưởng gồm Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Giám trưởng;

- Kết thúc quý, căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và nhằm động viên Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Giám trưởng thực hiện tốt

✓

hơn nữa công tác AT- VSLĐ Công ty sẽ khen thưởng, khuyến khích lương đối với cán bộ quản lý các phân xưởng trong quý đã chỉ huy, điều hành sản xuất đảm bảo AT-VSLĐ.

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện xét

- Đối với Quản đốc, Phó quản đốc kỹ thuật, Phó quản đốc Cơ điện vận tải trong quý phân xưởng không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên;

- Đối với Phó quản đốc trực ca, Tổ trưởng sản xuất, Giám trưởng trong quý ca sản xuất, tổ sản xuất, giám sản xuất cá nhân được phân công quản lý, chỉ huy không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên;

- Các tháng trong quý cá nhân thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ (không trực tiếp vi phạm, không liên đới đến TNLĐ hoặc sự cố), các tháng đều được hưởng 100% lương an toàn tháng;

- Cán bộ quản lý phân xưởng tham gia tháng nào hưởng tháng đó, mức hưởng bằng số tiền quy định tại khoản 1.3 Điều này chia 3. Trường hợp trong tháng cá nhân tham gia chỉ huy, điều hành sản xuất dưới 05 ngày thì tháng đó không tính; nếu tham gia chỉ huy, điều hành sản xuất từ 05 đến 13 ngày tính $\frac{1}{2}$ tháng; nếu tham gia chỉ huy, điều hành sản xuất từ 14 ngày trở lên tính tròn 01 tháng.

- Trường hợp trong tháng Phó quản đốc/Tổ trưởng/Giám trưởng/Cá trưởng được giao quyền quản lý từ 14 ngày sản xuất trở lên thì được xét hưởng theo mức giao quyền.

1.3. Mức thưởng, khuyến khích

a) Đối với phân xưởng khai thác, đào lò:

- Quản đốc phân xưởng: 03 triệu đồng/quý;

- Phó quản đốc phân xưởng: 02 triệu đồng/quý;

- Tổ trưởng sản xuất, Giám trưởng: 1,5 triệu đồng/quý.

b) Đối với phân xưởng còn lại:

- Quản đốc phân xưởng: 02 triệu đồng/quý;

- Phó quản đốc phân xưởng: 1,5 triệu đồng/quý;

- Tổ trưởng sản xuất: 1 triệu đồng/quý.

1.4. Nguồn chi từ Quỹ lương của Công ty.

2. Khen thưởng thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ năm

2.1. Đối tượng áp dụng

- NLĐ quy định tại Khoản 3.1 Điều 2 của quy định này không bao gồm Quản đốc, Phó quản đốc, Trưởng phòng và các chức danh tương đương (đã áp dụng thưởng, khuyến khích lương Quý);

- Kết thúc năm kế hoạch, căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đơn vị nhằm động viên người lao động thực hiện tốt hơn nữa công tác AT- VSLĐ Công ty sẽ khen thưởng, khuyến khích lương NLĐ trong năm đã thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ.

2.2. Điều kiện áp dụng:

a) Đối với các phân xưởng: Trong năm phân xưởng không để xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc sự cố loại I và cá nhân NLĐ thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, không mắc lỗi AT - VSLĐ hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương (các tháng trong năm đều được hưởng 100% lương an toàn), không bị xử lý kỷ luật từ Khiển trách trở lên thì sẽ được dự xét thưởng, khuyến khích về công tác AT-VSLĐ năm.

U

b) Đối với các phòng: Công ty không để xảy ra tai nạn lao động chết người hoặc sự cố loại I và cá nhân NLD thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, không mắc lỗi AT - VSLĐ hoặc không bị điều chỉnh giảm tiền lương (các tháng trong năm đều được hưởng 100% lương an toàn), không bị xử lý kỷ luật từ Khiển trách trở lên thì sẽ được dự xét thưởng, khuyến khích về công tác AT-VSLĐ năm.

2.3. Mức thưởng, khuyến khích lương thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ năm như sau:

- Đối với công nhân khai, công nhân cơ điện thuộc các phân xưởng khai thác, đào lò: 02 triệu đồng/người;

- Đối với NLD còn lại (NLD còn lại các phân xưởng khai thác, đào lò; NLD các phân xưởng còn lại và các phòng): 01 triệu đồng/người;

3. Nguồn chi: Khen thưởng chi từ Quỹ khen thưởng của Công ty; khuyến khích lương chi từ Quỹ lương của Công ty.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP KINH TẾ GẮN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI CÔNG TÁC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 9. Các biện pháp kinh tế để gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ

Ngoài hình thức trả lương an toàn, khuyến khích, khen thưởng về công tác an toàn vệ sinh lao động, Công ty còn áp dụng các biện pháp sau đây để gắn trách nhiệm của người lao động đối với công tác AT-VSLĐ:

1. Xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo quy định của Bộ Luật lao động và Nội quy lao động của Công ty.

2. Tùy theo mức độ mắc lỗi AT-VSLĐ mà lao động quản lý trực tiếp hoặc người lao động còn có thể phải chịu các hình thức xử lý khác ngoài việc không được thanh toán tiền lương an toàn như: phải học lại an toàn, phải đi tuyên truyền tại các nhà giao ca các phân xưởng.

3. Người mắc lỗi AT-VSLĐ phải học lại an toàn, trong thời gian học lại Công ty trả lương theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hiện hành (lương cơ bản/26). Người mắc lỗi phải trả các chi phí liên quan đến việc học lại an toàn nếu việc học lại an toàn này làm tăng chi phí của Công ty.

4. Sau thời gian học lại an toàn mà người lao động phải bố trí công việc, tập việc. Trong thời gian tập việc, nếu trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách thì sẽ được đơn vị trả lương theo quy định.

5. Trường hợp người không có thẩm quyền xử lý mà tự ý xử lý hoặc người có thẩm quyền mà xử lý tùy tiện thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật tương ứng. Trường hợp người có thẩm quyền xử lý vi phạm mà không xử lý (không lập biên bản hoặc ra quyết định xử lý) thì bị xử lý như người mắc lỗi.

Điều 10. Cơ chế bổ sung lương đối với đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm KTCB, AT-VSLĐ

Nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và ngăn ngừa kịp thời nguy cơ gây mất an toàn trong lao động sản xuất, khuyến khích cán bộ nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ làm tốt công tác an toàn, làm đến đâu hưởng đến đó, có làm có hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, không làm

không hưởng một cách công khai, minh bạch Công ty áp dụng cơ chế bổ sung quỹ lương tập thể, cá nhân làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát AT-VSLĐ từ phần tiền lương an toàn không thanh toán đối với cá nhân mắc lỗi.

1. Tiền lương an toàn không thanh toán đối với các cá nhân mắc lỗi trong tháng do các đơn vị đề nghị không thanh toán đối với các tập thể/cá nhân vi phạm sẽ nhập về quỹ lương của Công ty và sử dụng như sau:

a) 50% số tiền lương an toàn không thanh toán đối với cá nhân mắc lỗi do các đoàn kiểm tra, giám sát của các phòng đề xuất và 100% lương an toàn do phân xưởng đề nghị dùng để khuyến khích lương cán bộ công nhân viên thực hiện tốt vào dịp sơ tổng kết công tác AT-VSLĐ;

b) 50% số tiền lương an toàn không thanh toán đối với cá nhân mắc lỗi do các đoàn kiểm tra, giám sát của các phòng đề xuất còn lại dùng để trả lương các cán bộ nhân viên các phòng đi thanh tra, kiểm tra, giám sát AT-VSLĐ phát hiện người mắc lỗi và lập biên bản xử lý. Trường hợp Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát hiện trường có từ 02 phòng trở lên thì phòng Chủ trì (trưởng đoàn) sẽ trả cao hơn các phòng còn lại trong Đoàn 10%.

c) Tổng số tiền trả lương tăng thêm đối với một phòng quy định tại điểm b khoản này trong tháng tối đa không quá 20% quỹ lương khoán định biên của đơn vị.

2. Hàng tháng căn cứ vào Biên bản mắc lỗi do các phòng chuyển về, phòng TCLĐ, phòng AT xác định số tiền không thanh toán, số tiền trả các phòng theo quy định khoản 1 Điều này vào bảng thanh toán lương sản phẩm hàng tháng.

3. Thủ trưởng đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên trong đơn vị mình để trả lương cho phù hợp đảm bảo có làm có hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, không làm không hưởng và công khai minh bạch.

4. Cán bộ nhân viên các phòng khi thanh tra, kiểm tra phát hiện người vi phạm thì phải xử lý đến cùng vụ việc đó, tuyệt đối không đẩy trách nhiệm của phòng mình/cá nhân mình cho phòng khác/người khác xử lý; các lỗi vi phạm phải hoàn thiện ngay Biên bản trong ca, xử lý quyết liệt không có vùng cấm, không có ngoại lệ và phải thông báo ngay cho người lao động/đơn vị bị xử lý được biết; đồng thời gửi ngay Biên bản về phòng TCLĐ (bộ phận Định mức) không quá 48 giờ tính từ thời điểm kết thúc ca người lao động mắc lỗi.

5. Cán bộ nhân viên các phòng đi thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị phát hiện người lao động/đơn vị có vi phạm mà xử lý không nghiêm túc, không trung thực hoặc còn chậm trễ gửi biên bản sẽ bị coi như thực hiện không đúng quy định của Công ty, tương ứng với mức lỗi mức 3 và tập thể phòng không hoàn thành nhiệm vụ tháng đó.

Chương IV

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ LÝ NGƯỜI MẮC LỖI AT-VSLĐ

Điều 11. Trình tự xử lý người mắc lỗi AT-VSLĐ

1. Trách nhiệm của cán bộ, nhân viên

Khi phát hiện lao động quản lý trực tiếp hoặc người lao động mắc lỗi AT-VSLĐ, người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này có trách nhiệm lập Biên bản (mẫu 01), đề nghị hình thức xử lý người vi phạm (mẫu 02) và

vt

phải ghi rõ lỗi NLĐ là lỗi mức mấy (mắc lỗi mức 1 hay mắc lỗi mức 2 hoặc mắc lỗi mức 3). Biên bản được lập thành 04 bản gửi các đơn vị (phòng AT, TCLĐ, đơn vị vi phạm và lưu tại đơn vị đề xuất) sau khi ban hành tối đa không quá 3 ngày:

a) Một bản gửi Phòng AT để tổng hợp, thống kê, phân tích các lỗi AT-VSLĐ nhằm xác định tần suất các lỗi thường xảy ra, kịp thời đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục và thông báo rộng rãi trong toàn Công ty để các đơn vị tuyên truyền, phổ biến rút kinh nghiệm.

b) Một bản gửi Thủ trưởng đơn vị có người vi phạm để thông báo lỗi với người vi phạm và làm cơ sở xét thanh toán lương an toàn đối với người lao động theo mức độ mắc lỗi khi chia lương hàng tháng, đề nghị khuyến khích lương an toàn quý.

c) Một bản gửi về Phòng TCLĐ làm cơ sở trả lương an toàn tháng, bổ sung lương cho các đơn vị thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 10.

2. Phòng TCLĐ

a) Hàng tháng tiếp nhận văn bản xử lý vi phạm do các đơn vị, người có thẩm quyền quy định tại Điều 11 xử lý cá nhân vi phạm, tổng hợp trình Giám đốc duyệt;

b) Soạn thảo quyết định điều chỉnh % giảm mức lương an toàn tháng không thanh toán đối với CBCNV vi phạm trình Giám đốc Công ty ký, ban hành gửi các đơn vị có liên quan, triển khai thực hiện.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý người mắc lỗi AT-VSLĐ

1. Đối với đối tượng mắc lỗi AT-VSLĐ là CBCNV các phân xưởng, Người có thẩm quyền xử lý là: Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, Thanh tra viên an toàn, Nhân viên phòng ban (đi kiểm tra hiện trường);

2. Đối với đối tượng mắc lỗi AT-VSLĐ là CBCNV các phòng, Người có thẩm quyền xử lý là: Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, Thanh tra viên an toàn.

3. Đối với nội bộ phân xưởng, phòng ban thì Người có thẩm quyền xử lý là Quản đốc, Trưởng phòng hoặc cán bộ được Quản đốc, Trưởng phòng phân công theo quy định quản lý của đơn vị.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị

1.1. Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo CBCNV trong đơn vị có trách nhiệm thông báo thường xuyên những trường hợp mắc lỗi AT-VSLĐ, thống kê, phân tích các nhóm lỗi thường xuyên mắc phải tới mọi người lao động để tăng cường tuyên truyền giáo dục trong công tác AT-VSLĐ. Định kỳ hàng quý báo cáo các nhóm lỗi AT-VSLĐ về Phòng AT để tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn để tuyên truyền phổ biến tới người lao động thuộc đơn vị mình được biết và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả;

- Cuối tháng (trước ngày 06) căn cứ vào lỗi vi phạm của CBCNV trong đơn vị theo Biên bản các phòng đề nghị xử lý và Giám đốc duyệt, lập bảng đề nghị giảm trừ tiền lương an toàn tháng của các cá nhân vi phạm gửi về Phòng TCLĐ (theo mẫu tại Phụ lục IV) thời gian chậm nhất là ngày 10 tháng sau liền kề.

✓

1.2. Kết thúc quý

- Lập danh sách đề nghị khuyến khích lương an toàn quý (quy định tại Điều 7) đối với NLĐ trong quý thực hiện tốt AT-VSLĐ (các tháng trong quý đều được thanh toán từ 70% đến 100% lương an toàn) theo Mẫu 03 có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Phòng AT, KT, TCLĐ xác nhận trình Giám đốc công ty duyệt. Thời gian xong trước ngày 15 tháng đầu quý sau liền kề.

- Lập danh sách đề nghị thưởng/khuyến khích lương đối với cán bộ quản lý phân xưởng (Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Gương trưởng) thực hiện tốt việc chỉ đạo, điều hành công tác AT-VSLĐ quý (quy định tại Khoản 1 Điều 8) theo Mẫu 04 có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Công đoàn bộ phận, Phòng AT, KT, TCLĐ xác nhận trình Giám đốc công ty duyệt. Thời gian xong trước ngày 20 tháng đầu quý sau liền kề.

1.3. Kết thúc năm

Căn cứ kết quả thực hiện công tác AT-VSLĐ trong năm của đơn vị và mức độ thực hiện của từng cá nhân, lập danh sách theo Mẫu 05 đề nghị Giám đốc công ty thưởng/khuyến khích lương an toàn năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 đối với CBCNV thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ. Thời gian xong trước ngày 15/01 năm sau liền kề.

2. Phòng AT

- Thường trực tổng hợp toàn bộ biên bản vi phạm công tác an toàn và số công nhân vi phạm trình Phó Giám đốc phụ trách công tác an toàn BHLĐ (hoặc Giám đốc Công ty) ký duyệt, gửi danh sách (tai nạn lao động, tai nạn sinh hoạt, tai nạn giao thông) kèm theo Biên bản điều tra về phòng TCLĐ trước ngày 05 của tháng sau liền kề để làm cơ sở thanh toán lương an toàn tháng/lương khuyến khích an toàn quý, năm đối với người lao động (nếu ngày gửi trùng vào ngày nghỉ thì sẽ chuyển vào ngày sau liền kề);

- Nếu đơn vị có tai nạn lao động nặng/nghiêm trọng thì phải xác định và ghi rõ những cá nhân liên quan trực tiếp để làm cơ sở thanh toán tiền lương;

- Xác nhận danh sách đề nghị thưởng/khuyến khích lương về công tác AT-VSLĐ đối với NLĐ đảm bảo quy định này.

3. Phòng KT

- Bảng thanh toán lương tháng của cá nhân phải thể hiện rõ phần tiền lương theo sản phẩm công việc và tiền lương an toàn cho người lao động biết.

- Căn cứ bảng chấm công, các lỗi vi phạm để thanh toán tiền lương khuyến khích an toàn quý cho CBCNV các đơn vị theo đúng quy định này. Làm thủ tục chuyển tiền lương khuyến khích an toàn quý vào tài khoản cá nhân.

- Phối hợp với Phòng TCLĐ hướng dẫn các đơn vị lập các mẫu bảng biểu để thực hiện; in dán công khai bảng tiền lương khuyến khích an toàn quý, năm tại nhà giao ca để công nhân các đơn vị đối chiếu, kiểm tra.

- Gửi danh sách tổng hợp tiền lương khuyến khích an toàn quý về phòng TCLĐ (sau khi phòng TCLĐ và phòng KT đã đối chiếu tổng hợp xong lương).

4. Phòng TCLĐ

- Hàng tháng căn cứ danh sách CBCNV vi phạm và không được hưởng đủ 100% lương an toàn tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 6 nêu trên do các

✓

phòng, đơn vị gửi về, tổng hợp soạn quyết định không thanh toán % lương an toàn tháng đối với NLĐ bị mắc lỗi.

- Khi kết thúc quý, tổng hợp danh sách đề nghị khuyến khích lương an toàn quý đối với NLĐ quy định tại Điều 7 do các đơn vị gửi về đã được các phòng thẩm định và Giám đốc công ty duyệt, soạn thảo quyết định khuyến khích an toàn quý trình Giám đốc Công ty ký và ban hành theo quy định. Đồng thời tiếp nhận danh sách thưởng, khuyến khích lương đối với cán bộ quản lý phân xưởng (Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Giám trưởng) trong quý chỉ huy, điều hành NLĐ trong gương, tổ, ca, đơn vị sản xuất an toàn (quy định tại Khoản 1 Điều 8), soạn thảo quyết định thưởng/khuyến khích an toàn quý trình Giám đốc Công ty ký và ban hành để các đơn vị thực hiện.

- Khi kết thúc năm kế hoạch, tiếp nhận danh sách đề nghị thưởng/khuyến khích lương đối với CBCNV thực hiện tốt theo quy định này (Khoản 2 Điều 8) do các đơn vị gửi về và tổng hợp, soạn quyết định trình Giám đốc công ty ký ban hành.

5. Các phòng chức năng và các đơn vị liên quan

- Người có thẩm quyền khi lập Biên bản CBCNV vi phạm về công tác an toàn phải thực hiện theo mẫu 01 và mẫu 02 kèm theo Quy định này và ban hành gửi Phòng AT, TCLĐ;

- Người lập Biên bản mà không gửi về phòng AT, TCLĐ hoặc phòng An toàn gửi không đúng thời gian quy định để ảnh hưởng đến việc thanh toán tiền lương an toàn của người lao động là chưa hoàn thành nhiệm vụ, Giám đốc Công ty sẽ điều chỉnh giảm tiền lương của Thủ trưởng đơn vị và cá nhân người đó.

Các phòng chức năng, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về tính chính xác đối với các số liệu của phòng mình cung cấp, báo cáo. Phòng nào xác nhận sai số liệu dẫn đến thanh toán không đúng cho NLĐ thì Công ty sẽ trừ số tiền đó vào quỹ lương tháng của phòng đó.

- Gửi các văn bản đề nghị trả lương khuyến khích an toàn quý gửi về phòng TCLĐ đảm bảo thời gian quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2025. Các nội dung quy định tại các quyết định sau đây sẽ không còn hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2025:

- Quyết định số 56/QĐ-TVD ngày 12/01/2023;
- Quyết định số 846/QĐ-TVD ngày 22/4/2024,
- Quyết định số 1327/QĐ-TVD ngày 07/6/2024;
- Điều 2 Quy định số 2342/QĐ-TVD-TCLĐ ngày 26/9/2023;
- Phụ lục số 02 Hướng dẫn số 1200/HD-TVD-TCLĐ ngày 28/6/2024;
- Quyết định số 465/QĐ-TVD-TCLĐ ngày 15/4/2022 Quy định về thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp, kế hoạch an toàn vệ sinh lao động;
- Quyết định số 240/QĐ-TVD-TCLĐ ngày 07/3/2022 về việc trả lương thêm giờ đối với đoàn thanh tra công tác AT-VSLĐ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, thủ trưởng đơn vị báo cáo với Giám đốc công ty (qua Phòng TCLĐ) xem xét sửa đổi, điều chỉnh bổ sung khuyến khích sản xuất./.



Phụ lục I

Nhóm các chức danh, ngành nghề, công việc theo mức độ chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3188** /QĐ-TVD ngày **19**/12/2024)

1. Nhóm lao động quản lý trực tiếp:

1.1. Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ cao

- Quản đốc, các phó quản đốc;
- Các trưởng, phó phòng, nhân viên phòng kỹ thuật, điều hành sản xuất;

1.2. Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ trung bình: CBNV còn lại thuộc các phòng (*Không bao gồm các đối tượng nêu tại mục 1.1*).

1.3. Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ thấp: Không có.

2. Nhóm lao động trong hầm lò:

2.1. Lao động sản xuất chính

a) Chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ cao:

- Tổ trưởng, gương trưởng;
- Khai thác than, quặng trong lò: Khoan lỗ mìn; khoan thăm dò; khoan thoát nước, thoát khí; Bắn mìn; Đào, khâu, chống cước, chèn lò, xén lò (thủ công, bán cơ giới); Đổ bê tông xây dựng đường lò; Tải than, đá;

- Đào lò: Đào, xén lò trong than, trong đá;

- Vận hành máy khai thác than trong hầm lò, máy đào lò; lái tàu điện, tời trục;

- Công nhân trực tiếp tải than, vận chuyển vật liệu tại gương lò.

b) Chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ trung bình và thấp: Không có.

2.2. Lao động phụ trợ, phục vụ

a) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ cao:

- Đo khí, gió trong lò: Đo khí; Đo gió; Lấy mẫu khí;
- Lắp đặt, sửa chữa cơ điện trong lò: Lắp đặt máy và thiết bị; Sửa chữa thiết bị cơ điện; Vận chuyển vật tư, thiết bị;

- Vận hành máy, các thiết bị trong lò: Vận hành băng tải; vận hành máng cào; vận hành máy chuyên tải; vận hành cấp liệu, máy đẩy goòng, quang lật, tời trục, tời kéo; lái, phụ tàu điện;

- Vận hành trạm mạng trong lò: Vận hành trạm điện (cao, hạ áp); Vận hành trạm bơm nước, trạm khí nén, trạm cấp dịch, trạm nạp ắc quy, trạm quan trắc khí Mỏ, trạm quạt gió, trạm cân;

- Thủ kho vật liệu nổ công nghiệp trong lò: Cấp phát vật liệu nổ công nghiệp, kíp mìn; Bảo quản Vật liệu nổ công nghiệp, kíp mìn;

- Lắp đặt, sửa chữa đường sắt trong lò: Lắp đặt đường sắt; Sửa chữa đường sắt;

- Trục tín hiệu trong lò: Đánh tín hiệu cho tời trục tải.

b) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ trung bình:

- KCS trong lò: Lấy mẫu và nghiệm thu than, đá trong lò;

- Trắc địa trong lò: Đo đạc để lập bản vẽ; Cho hướng, rơ be, tìm cốt;

- Trục cửa gió trong lò: Gác cửa gió; Đóng mở cửa gió; Kiểm soát người ra, vào lò;

- Lắp đặt, sửa chữa hệ thống thông tin liên lạc trong lò: Lắp đặt các thiết bị thông tin, liên lạc; Sửa chữa hệ thống thông tin liên lạc;

- Xúc dọn, vệ sinh trong lò: Xúc dọn, khai rãnh thoát nước; Xúc dọn hầm bơm, rón giếng;

- Các công việc khác trong lò...

c) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ thấp: Không có.

3. Nhóm lao động lộ thiên và công việc trên mặt bằng mỏ:

3.1. Lao động sản xuất chính:

a) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ cao:

BT

- Vận hành máy xúc điện, máy xúc thủy lực;
- VH máy khoan xoay cầu, khoan thủy lực, khoan đập cáp;
- Vận hành máy gạt;
- Lái xe chở than, đất từ 25 tấn trở lên;
- Vận hành cần cầu từ 7,5 tấn trở lên;
- Vận hành máy sàng tuyển, máy bốc rót, đánh đồng.
- b) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ trung bình:
 - Sàng tuyển, gia công, chế biến than thủ công, tách lọc đá trên băng;
 - Cuốc xúc khai thác chọn lọc, tận thu than bằng thủ công;
 - Sàng chế biến phân loại than bằng thủ công.
- c) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ thấp: Không có.

3.2. Lao động phụ trợ, phục vụ:

- a) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ cao:
 - Lái xe tải, xe cần cầu có trọng tải từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn;
 - Lái xe chở người từ 12 ghế trở lên;
 - Lao động vận hành băng, sàng; Tháo máng than; Nạo vét xe goòng;
 - Thợ rèn búa máy, rèn thủ công;
 - Sửa chữa đường dây cao, hạ thế; Lắp đặt đường dây và trạm: Đào lỗ, chôn, dựng cột điện, kéo lắp đường dây;
 - Thường trực sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và máy khai thác trên khai trường.
 - Vận hành máy nén khí.
- b) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ trung bình:
 - Sửa chữa đường mỏ; Vây xe đầu đường, thống kê ghi chuyển;
 - Lái xe con; Vận hành trạm, mạng điện (Trạm ES, trạm 35/6);
 - Vận hành cầu trục trong các xưởng sửa chữa;
 - Vận hành bơm nước moong, vận hành băng, sàng, máy cấp liệu, trạm điện, chỉnh lưu, tời, quạt gió.
 - Cơ khí: Tiện, nguội, phay, bào, gò, hàn, mài...
 - Lắp đặt, sửa chữa ô tô, sửa chữa máy khai thác;
 - Sửa chữa thiết bị sàng, tuyển; lưu hóa băng, các hệ thống bốc, rót;
 - Sửa chữa, lắp đặt đường ống, cấp thoát nước;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng; Mộc, nề, sắt, bê tông;
 - Cấp dưỡng: nấu ăn, chế biến thực phẩm, cấp phát bồi dưỡng;
 - Tiếp liệu, bốc vác, vận chuyển vật tư, vật liệu;
 - KCS: Lấy mẫu, gia công mẫu, giao nhận sản phẩm;
 - Công nhân trắc địa; Bảo vệ cơ động;
 - Vận hành bơm nước, thiết bị xử lý nước thải;
 - Sửa chữa điện lạnh, thiết bị thông tin;
- c) Nhóm chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ mức độ thấp:
 - Bảo vệ: Cơ quan, khu tập thể, nhà xưởng, gác trạm và các vị trí khác;
 - Trục thông tin: Trục tổng đài, truyền thanh, truyền hình;
 - Sản xuất nước tinh khiết; Trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng;
 - Thủ kho than, nguyên vật liệu, thực phẩm, văn phòng phẩm;
 - Các đối tượng lao động khác còn lại.

15

Phụ lục II

Danh mục các lỗi trong công tác AT-VSLĐ không được hưởng 100% tiền lương an toàn

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3188** /QĐ-TVD ngày **19** /12/2024)

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
I	Đối với quản đốc phân xưởng			
1	Không ra nhật lệnh sản xuất, ra nhật lệnh sản xuất không đầy đủ, không phù hợp với điều kiện thực tế hoặc không đưa ra các biện pháp kỹ thuật an toàn cho cấp dưới quyền tổ chức thực hiện, nhờ người khác viết hộ lệnh sản xuất;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
2	Không chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp các vị trí sản xuất thuộc khu vực đơn vị được giao quản lý, phụ trách;	Mức 2	50	
3	Không chấp hành mệnh lệnh chỉ huy của người có thẩm quyền;	Mức 3	30	
4	Không sâu sát kiểm tra, chỉ đạo để tổ chức sản xuất vi phạm quy trình và thiết kế kỹ thuật;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
5	Để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người hoặc sự cố loại I, loại II	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
6	Sử dụng người lao động làm việc không đúng nghề đào tạo, bố trí việc làm không theo cấp bậc công việc;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
7	Không tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho người lao động	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
8	Tổ chức sử dụng các thiết bị, máy, vật tư có tính chất nghiêm ngặt về ATLĐ-VSLĐ sai quy định	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
9	Không tổ chức thực hiện kiến nghị về AT-VSLĐ của người lao động, của tập thể người lao động trong công trường, phân xưởng và của các đoàn kiểm tra.	Mức 1	30	
10	Vi phạm các điều cấm khác trong nội quy, quy trình, quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến AT-VSLĐ;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
11	Không tổ chức tự kiểm tra toàn diện công tác AT-VSLĐ của công trường, phân xưởng định kỳ theo quy định;	Mức 1	30	
12	Còn có ca thực hiện không đầy đủ các biện pháp an toàn đã được hướng dẫn	Mức 1	30	
13	Còn có ca thực hiện kỹ thuật cơ bản không đảm bảo yêu cầu.	Mức 1	30	
14	Để xảy ra tai nạn lao động nhẹ hoặc sự cố loại III	Mức 2	50	

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
15	Phổ biến, quán triệt các quy chế, quy định, quy trình, quy phạm và hướng dẫn NLD chưa hiệu quả còn có công nhân trong đơn vị vi phạm AT-VSLĐ	Mức 1	30	
16	Thực hiện nhưng không đầy đủ nhiệm vụ của mình Quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động kèm theo Quyết định số 382/QĐ-TVD ngày 23/4/2021	Mức 2	50	
17	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc liên đới TNLD	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
II	Đối với Phó quản đốc, Tổ trưởng, Gương trưởng			
1	Không ra ca lệnh sản xuất, ra ca lệnh sản xuất không đầy đủ hoặc không phù hợp với điều kiện thực tế hoặc không kiểm tra điều kiện làm việc tại các vị trí sản xuất, không phổ biến cụ thể biện pháp kỹ thuật an toàn cho người lao động trong ca, nhờ người khác viết hộ lệnh sản xuất;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
2	Không thực hiện ghi sổ bàn giao ca sau, ký nhận ca trước;	Mức 2	50	
3	Không chấp hành mệnh lệnh chỉ huy của người có thẩm quyền	Mức 2	50	
4	Chỉ đạo và tổ chức sản xuất vi phạm quy trình và thiết kế kỹ thuật	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
5	Trong Ca/Tổ/Gương sản xuất xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người hoặc sự cố loại I, loại II	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
6	Vào những nơi nguy hiểm đã được cảnh báo hay nghiêm cấm khi không được người có trách nhiệm phân công	Mức 2	50	
7	Bố trí công việc cho người lao động làm việc không đúng nghề đào tạo, bố trí việc làm không theo cấp bậc công việc;	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
8	Sử dụng các thiết bị, máy, vật tư có tính chất nghiêm ngặt về ATLĐ-VSLĐ sai quy định	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
9	Vi phạm các điều cấm khác trong nội quy, quy trình, quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến AT-VSLĐ;	Mức 2	50	
10	Để người lao động trong ca/tổ làm việc không đủ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, không thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn đã được hướng dẫn	Mức 1	30	
11	Để NLD trong ca thực hiện không đảm bảo kỹ thuật cơ bản, nghiệm thu sản phẩm sai quy định	Mức 1	30	
12	Để nơi làm việc trong ca phụ trách không đảm bảo vệ sinh công nghiệp.	Mức 1	30	
13	Trong ca/tổ/gương còn để xảy ra tai nạn lao động nhẹ hoặc sự cố loại III	Mức 2	50	

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
14	Không điểm danh nhân lực được giao quản lý đầu ca, cuối ca báo cáo cấp trên theo quy định hoặc có điểm danh, báo cáo nhưng không chính xác	Mức 2	50	
15	Phổ biến, quán triệt các quy chế, quy định, quy trình, quy phạm và hướng dẫn NLĐ chưa hiệu quả còn có công nhân trong ca/tổ/gương vi phạm AT-VSLĐ	Mức 1	30	
16	Thực hiện nhưng không đầy đủ nhiệm vụ của mình theo Khoản 2 Điều 13 đối với Phó quản đốc, Khoản 2 Điều 14 đối với Tổ trưởng sản xuất và Khoản 2 Điều 15 đối với Giám trưởng tại Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động kèm theo Quyết định số 382/QĐ-TVD ngày 23/4/2021	Mức 2	50	
17	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc liên đới TNLĐ	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
III	Đối với cán bộ tham mưu (Trưởng phòng, Phó trưởng phòng):			
1	Không lập, không cung cấp kịp thời hồ sơ kỹ thuật, biện pháp thi công cho các đơn vị sản xuất được giao phụ trách.	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
2	Để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người hoặc sự cố loại I, loại II mà đơn vị/cá nhân có liên đới theo kết luận của Đoàn điều tra.	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
3	Chỉ đạo thi công sai quy trình, quy định an toàn, sai thiết kế kỹ thuật, biện pháp thi công	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
4	Tham mưu không đầy đủ hoặc tham mưu sai cho lãnh đạo các biện pháp quản lý liên quan đến công tác an toàn - vệ sinh lao động.	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
5	Vi phạm các quy định về quản lý, bảo quản, sử dụng VLN công nghiệp	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
6	Không chấp hành mệnh lệnh chỉ huy của người có thẩm quyền.	Mức 2	50	
7	Không phát hiện hoặc bỏ qua/xử lý không nghiêm các hành vi vi phạm an toàn của người, đơn vị được giao kiểm tra, giám sát.	Mức 2	50	
8	Không chỉ đạo thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm tra, hoặc kiến nghị lãnh đạo Công ty khi kiểm tra hiện trường sản xuất	Mức 2	50	
9	Không sử dụng trang phục, phù hiệu công ty trang cấp trang cấp	Mức 2	30	
10	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xét kỷ luật lao động, xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
11	Thực hiện nhưng không đầy đủ nhiệm vụ của phòng quy định tại Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động kèm theo Quyết định số 382/QĐ-TVD ngày 23/4/2021 mà cá nhân được phân công	Mức 2	50	

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
12	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc liên đới TNLĐ	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
IV	Đối với cán bộ nhân viên các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ			
1	Không hoàn thành nhiệm vụ về công tác quản lý			
a	Thực hiện không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao dẫn đến các đơn vị được giao quản lý xảy ra TNLĐ chết người, sự cố nghiêm trọng	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
b	Thực hiện không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao dẫn đến các đơn vị được giao quản lý xảy ra TNLĐ nặng, sự cố loại 1 mà cá nhân có liên đới theo kết luận của Đoàn điều tra.	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
c	Thực hiện không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao dẫn đến các đơn vị được giao quản lý xảy ra TNLĐ nhẹ, sự cố loại 2 hoặc ảnh hưởng đến SX của đơn vị	Mức 1	30	
2	Không hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ			
a	Lập biện pháp kỹ thuật, BP thi công không đầy đủ biện pháp an toàn, không phù hợp với thực tế sản xuất, ảnh hưởng đến tiến độ thi công	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
b	Quá trình kiểm tra, giám sát, không phát hiện thấy hoặc bỏ qua các vi phạm về: quy trình, quy phạm AT, BP thi công của đơn vị thi công	Mức 1	30	
c	Không đề nghị xử lý khi phát hiện các hành vi vi phạm theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Mức 2	30	
3	Không chấp hành yêu cầu, chỉ thị, mệnh lệnh của Trưởng phòng/Giám đốc			
a	Không thực hiện đúng, kịp thời các yêu cầu, chỉ thị, mệnh lệnh thuộc các lĩnh vực tổ chức, điều hành sản xuất, hành chính, CMNV	Mức 2	50	
b	Thực hiện không đúng các quy định của Công ty	Mức 2	50	
3	Không sử dụng trang phục, phù hiệu công ty trang cấp trang cấp	Mức 1	30	
4	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xét kỷ luật lao động, xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
5	Thực hiện nhưng không đầy đủ nhiệm vụ của phòng quy định tại Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động kèm theo Quyết định số 382/QĐ-TVD ngày 23/4/2021 mà cá nhân được phân công	Mức 2	50	
6	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc liên đới TNLĐ	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
V	Đối với người lao động trực tiếp sản xuất:			

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
1	Vào những nơi nguy hiểm đã được cảnh báo hay nghiêm cấm khi không được người có trách nhiệm phân công.	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
2	Không chấp hành mệnh lệnh chỉ huy của người có thẩm quyền hoặc tùy tiện làm công việc khác có tính chất kỹ thuật khi không được phân công.	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
3	Vi phạm quy trình làm việc, quy trình đi lại dẫn đến TNLĐ cho bản thân hoặc có nguy cơ gây TNLĐ, sự cố cho người và thiết bị.	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
4	Không sử dụng trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân mà người sử dụng lao động đã trang bị.	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
5	Thực hiện không đầy đủ các biện pháp an toàn đã được hướng dẫn.	Mức 1	30	
6	Đến nơi làm việc của mình không đảm bảo vệ sinh công nghiệp.	Mức 1	30	
7	Thực hiện kỹ thuật cơ bản không đảm bảo yêu cầu.	Mức 1	30	
8	Nghỉ làm việc vô lý do	Mức 1	30	Giảm 30% 1 công nghỉ
9	Không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, yêu cầu đối với người lao động khi thực hiện công việc được giao, để xảy ra TNLĐ			
a	Xảy ra tai nạn lao động chết người			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao (trường hợp người trực tiếp liên quan bị TNLĐ, phòng AT có ý kiến báo cáo Giám đốc Công ty xem xét quyết định xử lý phù hợp từng trường hợp cụ thể)	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng
-	Gián tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
b	Xảy ra tai nạn lao động nặng			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
-	Gián tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 2	50	
c	Xảy ra tai nạn lao động nhẹ			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 1	30	
10	Không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, yêu cầu đối với người lao động khi thực hiện công việc được giao, để xảy ra sự cố			

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
a	Xảy ra sự cố nghiêm trọng			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
-	Gián tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 1	30	
b	Xảy ra sự cố loại 1			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
-	Gián tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 1	30	
c	Xảy ra sự cố loại 2			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 1	30	
d	Xảy ra sự cố loại 3			
-	Trực tiếp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao	Mức 1	30	
11	Không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, yêu cầu đối với người lao động khi thực hiện công việc được giao chưa xảy ra TNLĐ, sự cố			
a	Không thực hiện đúng ít nhất một trong các quy định về công tác phòng, chống cháy, nổ trong hầm lò	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
b	Không thực hiện đúng ít nhất một trong các quy định về công tác phòng, chống cháy, nổ ngoài hầm lò (trên mặt bằng)	Mức 2	50	Lỗi nghiêm trọng
c	Không thực hiện đúng ít nhất một trong các quy định về công tác vệ sinh công nghiệp có nguy cơ dẫn đến tai nạn lao động, sự cố	Mức 2	50	
d	Không thực hiện đúng ít nhất một trong các quy định về công tác vệ sinh công nghiệp ảnh hưởng đến sản xuất của đơn vị hoặc ảnh hưởng tới các đơn vị liên quan	Mức 2	50	
e	Có trách nhiệm liên quan đến các trường hợp không thực hiện đúng quy định về công tác AT-BHLĐ, PCCN, vệ sinh công nghiệp	Mức 2	50	
f	Không thực hiện quy định cấm đi vào nơi nguy hiểm đã được cảnh báo	Mức 2	50	
g	Không sử dụng đầy đủ, hoặc sử dụng không đúng, trang bị BHLĐ và các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp	Mức 1	30	

Số TT	Đối tượng/Danh mục các lỗi	Lỗi vi phạm	Mức giảm lương AT (%/lần)	Ghi chú
<i>h</i>	<i>Nằm hoặc ngủ hoặc làm việc riêng trong thời gian làm việc tại hiện trường sản xuất</i>	Mức 1	30	
<i>i</i>	<i>Làm công việc không được người có thẩm quyền phân công</i>	Mức 1	30	
<i>j</i>	<i>Không thực hiện đúng quy trình, quy phạm, biện pháp thi công, các quy định AT-BHLĐ</i>	Mức 2	50	
<i>k</i>	<i>Thực hiện công việc khi chưa có biện pháp, hộ chiếu kỹ thuật, LSX</i>	Mức 2	50	
<i>l</i>	<i>Rời vị trí làm việc mà không có lý do chính đáng</i>	Mức 1	30	
<i>m</i>	<i>Không thực hiện yêu cầu của cán bộ chỉ huy sản xuất, hoặc thanh tra viên an toàn để khắc phục các nguy cơ gây mất an toàn tại hiện trường sản xuất</i>	Mức 1	30	
12	Vi phạm quy định, quy chế của công ty bị xét kỷ luật lao động, xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên	Mức 3	100	Lỗi nghiêm trọng

Ghi chú: Các trường hợp khác chưa đề cập trong Phụ lục II này, các phòng chức năng căn cứ vào mức độ vi phạm báo cáo đề xuất với Giám đốc công ty cấp độ mức lỗi mức cụ thể (từ 1 :- 3) cho phù hợp.

14

Phụ lục III

Hướng dẫn thanh toán tiền lương an toàn tháng

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3188** /QĐ-TVD ngày **19** /12/2024)

1. Ví dụ 1: Thanh toán tiền lương an toàn trong tháng.

Các thành viên thuộc tổ T có tiền lương thực hiện theo năng suất và hiệu quả công việc và tiền lương được hưởng trong tháng như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	SDB	Công việc làm	Tiền lương thực hiện trong tháng	Trong đó		Số lần mắc lỗi	% điều chỉnh tối đa	Tiền lương mắc lỗi AT	Tiền lương được hưởng trong tháng	Ghi chú
					Lương sản phẩm, công việc	Lương an toàn					
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7=2+(3-4)	6
1	Công nhân A	11...		20.000.000	16.000.000	4.000.000				20.000.000	
2	Công nhân B	12...		20.000.000	16.000.000	4.000.000	1	70	1.200.000	18.800.000	
3	Công nhân C	13...		17.000.000	13.600.000	3.400.000	2	50	1.700.000	15.300.000	
4	Công nhân D	14...		15.000.000	12.000.000	3.000.000	1	100		15.000.000	
5	Công nhân E	15...		12.000.000	9.600.000	2.400.000	3	100	2.400.000	9.600.000	

- **Công nhân A:** Là thợ lò, có tiền lương thực hiện trong tháng là 20.000.000 đồng (cột 1), thuộc nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ cao, tiền lương an toàn kết cấu trong tiền lương thực hiện là 20% (cột 3), trong tháng không mắc lỗi AT-VSLĐ, được hưởng đủ tiền lương (cột 5).

- **Công nhân B:** Là thợ lò, có tiền lương thực hiện trong tháng là 20.000.000 đồng, thuộc nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ cao, tiền lương an toàn kết cấu trong tiền lương thực hiện là 20%, trong tháng có mắc lỗi AT-VSLĐ ở mức 3, được hưởng đủ tiền lương sản phẩm, công việc nhưng chỉ được hưởng tối đa 70% tiền lương an toàn ($4.000.000 \times 70\% = 2.800.000$ đồng), tiền lương an toàn bị điều chỉnh do mắc lỗi (tính theo Phụ lục IV) là 1.200.000 đồng. Tiền lương thực tế được hưởng của công nhân B là $(16.000.000 + 4.000.000 - 1.200.000) = 18.800.000$ đồng.

Như vậy cùng là thợ lò có tiền lương thực hiện như nhau nhưng công nhân A không mắc lỗi AT-VSLĐ nên được hưởng 100% tiền lương thực hiện, còn công nhân B do mắc lỗi AT-VSLĐ ở mức 1 nên tiền lương được hưởng thấp hơn công nhân A do không được hưởng đủ tiền lương an toàn.

- **Công nhân C:** Là cơ điện mở hầm lò, có tiền lương thực hiện trong tháng 17.000.000 đồng, thuộc nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ cao, tiền lương an toàn kết cấu trong tiền lương thực hiện là 20%, trong tháng mắc lỗi AT-VSLĐ ở mức độ 2, được hưởng đủ tiền lương sản phẩm, công việc nhưng chỉ được hưởng 50% tiền lương an toàn ($3.400.000 \times 50\% = 1.700.000$ đồng), tiền lương an toàn bị điều chỉnh do mắc lỗi (tính theo Phụ lục IV) là 1.700.000 đồng. Tiền lương thực tế được hưởng của công nhân B là $(13.600.000 + 3.400.000 - 1.700.000) = 15.300.000$ đồng.

- **Công nhân D:** Là lao động làm việc ngoài lò, có tiền lương thực hiện trong tháng là 15.000.000 đồng, thuộc nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ trung bình và thấp, tiền lương an toàn kết cấu trong tiền lương thực hiện là 20%, trong tháng không mắc lỗi AT-VSLĐ, cá nhân được hưởng đủ tiền lương 15.000.000 đồng.

- **Công nhân E:** Là lao động làm việc ngoài lò, có tiền lương thực hiện trong tháng 12.000.000 đồng, thuộc nhóm lao động chịu tác động bởi công tác AT-VSLĐ ở mức độ trung bình và thấp, tiền lương an toàn kết cấu trong tiền lương thực hiện là 20%, trong tháng có mắc một số lỗi AT-VSLĐ ở mức 3, mức 4, tổng 100%, được hưởng đủ tiền lương sản phẩm, công việc (cột 2) nhưng không được hưởng phần tiền lương an toàn, tiền lương an toàn bị điều chỉnh do mắc lỗi (tính theo Phụ lục IV) là 2.400.000 đồng. Tiền lương thực tế được hưởng của công nhân B là $(9.600.000 + 2.400.000 - 2.400.000) = 9.600.000$ đồng.

✓

Phụ lục IV CÁC BIỂU MẪU THỰC HIỆN

Mẫu 01: Biên bản vi phạm công tác AT-VSLĐ

(Ban hành kèm theo Quy định số: 3188/QĐ-TVD ngày 19/12/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN

Vi phạm về AT-VSLĐ/Chức trách nhiệm vụ được phân công

Kính gửi: Giám đốc Công ty.

- Căn cứ Quy chế quản lý lao động và tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TVD-HĐQT ngày .../.../202... của Hội đồng quản trị Công ty và Căn cứ Quyết định số/QĐ-TVD ngày .../.../202... của Giám đốc công ty về việc Ban hành Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ.

- Thời gian:giờ... phút, ca ... ngày ... tháng ... năm 20...

- Địa điểm:

- Thành phần:

+ Họ tên, chức vụ người kiểm tra:

+ Họ tên, số danh bạ, đơn vị công tác của đối tượng được kiểm tra:

- Nội dung vi phạm: Không hoàn thành nhiệm vụ về việc....

- Mức độ mắc lỗi: mức độ....

- Đề xuất giải pháp khắc phục: Học lại quy trình hoặc huấn luyện lại
..... và đề nghị Giám đốc Công ty điều chỉnh giảm tiền lương an toàn tháng...năm 201...đối với CBCNV có tên sau:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Công việc đang làm	Số danh bạ	Mức điều chỉnh giảm (%)

Đề nghị Giám đốc Công ty duyệt, giao cho Phòng TCLĐ và thủ trưởng đơn vị để thực hiện các thủ tục điều chỉnh khi trả lương tháng...năm 202... đối với đơn vị và cá nhân có tên trên theo quy định của Công ty./.

GIÁM ĐỐC

(Duyệt)

Người làm chứng

(nếu có)

Người vi phạm

Trưởng phòng/Quản đốc/...

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Nơi nhận:

- Đơn vị:...
- Ông/bà:...
- Phòng TCLĐ;
- Lưu phòng

Ghi chú : Các thông tin trong bảng trên bắt buộc phải ghi đầy đủ, chính xác. Đối với những lỗi mắc do đơn vị phát hiện thì thành phần duyệt gồm các thành phần Quản đốc, Công đoàn, Người vi phạm.

Mẫu 02: Đề nghị điều chỉnh lương an toàn tháng do vi phạm công tác AT-VSLĐ
(Ban hành kèm theo Quy định số: 3488/QĐ-TVD ngày 19/12/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày tháng năm 20....

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG
DO MẮC LỖI VỀ AT-VSLĐ CHÚC TRÁCH NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN CÔNG**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TVD ngày .../.../202... của Giám đốc công ty về việc Ban hành Quy định trả lương, thưởng, khuyến khích và các biện pháp kinh tế gắn trách nhiệm của người lao động với công tác AT-VSLĐ. Căn cứ số lỗi vi phạm, điểm AT trong tháng của CBCN bị vi phạm trong tháng/2024. Đơn vị lập danh sách đề nghị giảm trừ lương AT tháng/2024 đối với số công nhân vi phạm như sau:

TT	Họ và tên	SDB	Công việc đang làm	Tổng điểm AT	Số lỗi trong tháng	Mức vi phạm	Tổng % giảm	Giá trị điểm (tháng trước liền kề)	Số tiền	Đơn vị xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=(5)*(8)*(9)	11
1	Công nhân A	11...	Công nhân CD	40.000	1	Mức 1	70	100	2.800.000	P. AT
2	Công nhân B	15...	Công nhân KT	60.000	2	Mức 1, 2	100	100	6.000.000	PKCM, P.CV
3	Công nhân C	19...	Công nhân KT	60.000	1	Mức 3	100	100	6.000.000	P. AT
4	Công nhân D	20...	Công nhân KT	50.000	1	Mức 2	50	100	2.500.000	P. AT
	Tổng cộng									

Người lập

CD bộ phận

Thủ trưởng đơn vị



Mẫu 05: Danh sách đề nghị thưởng/khuyến khích lương năm 202...
đối với cán bộ công nhân viên lao động (Khoản 2 Điều 8)
(Ban hành kèm theo Quy định số: ~~3188~~ QĐ-TVD ngày 19 /12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
 THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
 ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày tháng năm 20....

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ THƯỞNG/KHUYẾN KHÍCH LƯƠNG THỰC
 HIỆN TỐT CÔNG TÁC AT-VSLĐ NĂM.....**

T T	Họ tên	SDB	Đơn vị	Chức vụ/công việc làm	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm ... A	11....	KT1	Công nhân khai thác	2.000.000	
2	Nguyễn ... B	12....	KT1	Công nhân khai thác	2.000.000	
3	Nguyễn ... C	13....	KT1	Công nhân cơ điện	2.000.000	
4	Nguyễn.... D	11....	KT1	Công nhân phục vụ	1.000.000	
...			KT1			
Tổng					000.000	

Phòng TCLĐ

Người lập

Công đoàn bộ phận

Thủ trưởng đơn vị



Mẫu 03: Danh sách đề nghị khuyến khích lương an toàn quý (theo Điều 7)

(Ban hành kèm theo Quy định số: 3488/QĐ-TVD ngày 19/12/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày tháng năm 20....

TT	Họ tên	SDB	Chức vụ/công việc làm	Tiền lương an toàn quý	Số lỗi mắc trong quý	Mức khuyến khích (%)	Hệ số	Tiền lương khuyến khích	Ghi chú
A	B	B	C	1	2	3	4	5=(1)/3 x (3) x (4)	6
1	Công nhân A	11....	Công nhân khai thác	12.000.000		100%	1,0	4.000.000	Có 40 công làm thợ mỏ
2	Công nhân B	12....	Ca trưởng cơ điện	10.000.000		100%	1,0	3.333.000	
3	Công nhân C	13....	Công nhân khai thác	15.000.000		100%	0,8	4.000.000	
4	Công nhân D	11....	Công nhân khai thác	12.000.000	1	50%	0,6	1.200.000	Giảm 30% lương AT T2
5	Công nhân D	11....	Giương trưởng	10.000.000	1	100%	-	-	Giảm 50% lương AT T2
6	Công nhân H	11....	Công nhân phục vụ	8.000.000		100%	0,5	1.333.000	
Tổng				67.000.000				13.866.000	

GIÁM ĐỐC

PHÒNG KT

PHÒNG TCLĐ

NVKT PX

QUẢN ĐỐC PX

Mẫu 04: Danh sách đề nghị thưởng/khuyến khích lương quý .../202..
đối với Quản đốc, Phó quản đốc, Tổ trưởng, Gương trưởng (Khoản 1 Điều 8)
(Ban hành kèm theo Quy định số: 3188/QĐ-TVD ngày 19/12/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH-VINACOMIN
ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày tháng năm 20....

TT	Họ tên	SD B	Đơn vị	Chức vụ/công việc làm	Số lỗi mắc trong quý	Công trong quý			Mức khuyến khích/thưởng			Tổng	Ghi chú
						Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3		
1	Phạm ... A	11	KT1	Quản đốc	1	15	20	25				0	
2	Nguyễn ... B	12	KT1	Phó quản đốc		26	26	10	670.000	670.000	670.000	2.000.000	
3	Nguyễn ... C	13	KT1	Phó quản đốc	1	25	25	25				0	
4	Nguyễn.... D	11	KT1	Gương trưởng		12	17	18	250.000	500.000	500.000	1.300.000	
5	Nguyễn ... Đ	11	KT1	Tổ trưởng		3	25	25		500.000	500.000	1.000.000	
Tổng												4.300.000	

Phòng TCLĐ

Phòng AT

Phòng KT

Người lập

Chủ tịch CĐ bộ phận

Thủ trưởng đơn vị